TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DSST
Ngày: 08/11/2021

V/v tranh chấp: "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quốc An.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Võ Thị Mỹ Trang.**
2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Trần Hữu Vĩnh.**

Trong ngày **08** tháng **11** năm **2021,** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-DS ngày 26/11/2020 về tranh chấp: "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100A/2020/QĐXXST-DS ngày 03/5/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1957.(có mặt)
Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện G, Tiền Giang.
* *Bị đơn:* Chị **Trần Mộng N**, sinh năm 1982.(có mặt)
Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện Gò C, Tiền Giang.
* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Đoàn Thị P**, sinh năm 1950.(có mặt)
Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện Gò C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 15/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị K trình bày:*

Trước đây vào tháng 03/2016 AL bà có mượn 04 chỉ vàng 24K của bà Đoàn Thị P, bà K cũng đóng lãi và vốn đầy đủ với mức lãi suất là 250.000đ/tháng/chỉ, đóng được 16 tháng là 16.000.000 đồng, cuối năm 2017 con bà K bị gãy giò nên xin bà P trả lần mỗi tháng 1.000.000 đồng và được Trần Mộng N (con dâu của P) và chồng chị N đồng ý, bắt đầu đóng vào ngày 28/01/2018 (Âm lịch), đóng đến ngày 25/3/2019 (Âm lịch), chỉ có tháng 8/2018 (âm lịch là không có đóng), tổng cộng chị N có nhận bà K số tiền 14.600.000 đồng, có làm biên nhận và chị N ký chữ "r" vào (quy ra thành vàng là 04 chỉ vàng 24K, giá vàng tại thời điểm lúc đó là 3.650.000 đồng/chỉ), xem như bà K không còn nợ 04 chỉ vàng của bà P.

Ngày 14/5/2019 bà P có kêu người lại nhà bà để đòi tiền, bà không trả thì bà P khởi kiện bà K đòi lại 04 chỉ vàng tại Tòa án nhân dân Gò Công Đông. Tại bản án số

136/2020/DSST ngày 10/8/2020, Tòa án buộc bà trả cho bà P 04 chỉ vàng 24K. Về phần lãi vàng của 04 chỉ vàng 24K và số tiền 14.600.000 đồng mà bà K đưa cho chị N do bà K không có yêu cầu phản tố với nguyên đơn và không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với chị N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nay bà Nguyễn Thị K yêu cầu chị Trần Mộng N trả số tiền tương đương giá trị 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm hiện tại, yêu cầu tính lãi từ ngày 25/3/2019 AL đến khi Tòa án xét xử và trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn chị Trần Mộng N trình bày:** Chị N thừa nhận có nhận số tiền 14.600.000 đồng mỗi tháng do hai vợ chồng bà Nguyễn Thị K đưa, là số tiền lãi mà bà K mượn 04 chỉ vàng 24K của mẹ chồng chị. Nay chị đồng ý trả lại số tiền 14.600.000 đồng, nhưng với điều kiện là bà Nguyễn Thị K phải trả xong cho bà Đoàn Thị P 04 chỉ vàng 24K trước, sau đó chị N sẽ trả số tiền 14.600.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị P trình bày:** Bà không đồng ý cho con dâu là Trần Thị N trả 14.600.000 đồng lý do bản án số 136/2020/DSST ngày 10/8/2020 tuyên là nếu thưa kiện là thưa bà Trần Mộng N chứ không phải thưa bà, nếu có thưa kiện thì chỉ thưa kiện 4.000.000 đồng còn 10.600.000 đồng được trừ vào số lãi từ năm 2017 đến khi khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Đòi tài sản"* cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị K tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Mộng N, bà K yêu cầu chị N trả số tiền là 14.600.000 đồng mà bà đã đưa cho chị N nhưng phải trả số tiền tương đương với giá trị của 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm hiện tại, không yêu cầu tính lãi từ ngày 25/3/2019 AL đến khi xét xử, trả ngay khi án có có hiệu lực pháp. Bà K cũng không yêu cầu bà Đoàn Thị P liên đới trả số tiền trên mà chỉ yêu cầu một mình chị Trần Mộng N trả tiền.

[3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bị đơn chị Trần Mộng N thừa nhận có nhận số tiền 14.600.000 đồng mỗi tháng do hai vợ chồng bà Nguyễn Thị K đưa, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị N đồng ý trả lại số tiền 14.600.000 đồng, nhưng với điều kiện là bà Nguyễn Thị K phải trả xong cho bà Đoàn Thị P 04 chỉ vàng 24K trước, sau đó chị N sẽ trả số tiền 14.600.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu chị N trả số 14.600.000

đồng nhưng trả số tiền tương đương giá trị 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm hiện tại.

[5.1] Xét thấy, bà K mượn 04 chỉ vàng 24k của bà Đoàn Thị P, khi thỏa thuận trả dần số vàng mỗi tháng 1.000.000 đồng thì lại thỏa thuận với chị N, là người không phải đối tượng để trả tiền, không có sự ủy quyền của bà P và bà P cũng không biết sự việc thỏa thuận giữa bà K và chị N. Chị N đồng ý trả lại số tiền 14.600.000 đồng cho bà K. Do đó bà K yêu cầu chị N trả lại số tiền 14.600.000 đồng là có cơ sở.

[5.2] Mặt khác, bà K yêu cầu chị N trả số tiền 14.600.000 đồng quy ra số tiền tương đương giá trị 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm hiện tại là không có cơ sở bởi vì khi bà K thỏa thuận với chị N trả 04 chỉ vàng là trả bằng tiền, chỉ thỏa thuận với chị N được chị N đồng ý, nhưng không thỏa thuân với bà P. Ngòa ra bà K chỉ trả 1.000.000 đồng/tháng cho chị N là trả bằng tiền chứ không có trả lại bằng vàng. Chị N cũng thừa nhận chỉ nhận số tiền 14.600.000 đồng bằng tiền mặt không có nhận bằng vàng. Do đó yêu cầu của bà K yêu cầu chị N trả số tiền 14.600.000 đồng tương đương giá trị 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm hiện tại là không có cơ sở.

[6] Về phương thức thanh toán: Bà Nguyễn Thị K yêu cầu chị N trả một lần số tiền 14.600.000 đồng tương đương giá trị 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm hiện tại, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật; bị đơn chị Trần Mộng N đồng ý trả số tiền 14.600.000 đồng nhưng với điều kiện bà K phải trả xong cho bà Đoàn Thị P 04 chỉ vàng 24K trước, sau đó chị N sẽ trả số tiền 14.600.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Xét, việc xin trả dần của bị đơn Tràn Mộng N không được nguyên đơn Nguyễn Thị K đồng ý, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn Trần Mộng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K được chấp nhận một phần nên bà K phải chịu một phần án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận về việc yêu cầu trả số tiền 14.600.000 đồng tương đương giá trị 04 chỉ vàng 24k tại thời điểm hiện tại. Giá vàng ngày 08/11/2021 có giá là 5.220.000 đồng/chỉ tương đương 04 chỉ vàng 24K x 5.220.000 đồng/chỉ = 20.880.000 đồng. Bà K phải chịu phần án phí là (20.880.000 đồng - 14.600.000 đồng) x 5%= 314.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà K được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 166, Điều 244, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị K.

Buộc chị Trần Mộng N phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền là 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Mộng N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu chị Trần Mộng N trả số tiền 14.600.000 đồng tương đương với giá trị 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm hiện tại.

3. Về án phí: Chị Trần Mộng N phải nộp 1.080.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc An